

Số: 690 /BC-CT

Quảng Nam, ngày 16 tháng 4 năm 2025

BÁO CÁO

Đánh giá tình hình tài chính của doanh nghiệp năm 2024

Kính gửi:

- Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam;
- Sở Tài chính Quảng Nam;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường Quảng Nam.

Căn cứ Nghị định số 87/2015/NĐ-CP ngày 06/10/2015 của Chính phủ về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp; giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước; Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 87/2015/NĐ-CP ngày 06/10/2015;

Thực hiện Công văn số 1939/STC-DN ngày 25/7/2022 của Sở Tài chính Quảng Nam thực hiện báo cáo giám sát tài chính định kỳ 6 tháng, hàng năm, Công ty TNHH một thành viên Khai thác thủy lợi Quảng Nam (Công ty) báo cáo đánh giá tình hình tài chính và kết quả sản xuất kinh doanh năm 2024 với các nội dung sau:

1. Tình hình bảo toàn và phát triển vốn

1.1. Vốn chủ sở hữu (Mã số 410 - Vốn góp của chủ sở hữu, Quỹ Đầu tư phát triển và Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản):

Trong năm 2024, vốn chủ sở hữu tăng do XDCB hoàn thành và nhận bàn giao từ các Chủ đầu tư là: **31.678.001.634 đồng**, cụ thể:

a) Phát sinh tăng: **46.519.501.634 đồng**, gồm:

- **Nhận bàn giao công trình từ các chủ đầu tư: 41.642.015.082 đồng**

+ Kênh đồng Ma Dậu thị trấn Hà Lam, hạng mục: kênh và công trình trên kênh do Ban quản lý đô thị huyện Thăng Bình bàn giao: 1.410.469.000 đồng;

+ Kênh Bình Hội - Bình Quế, hạng mục: kênh và công trình trên kênh do Ban quản lý đô thị huyện Thăng Bình bàn giao: 907.918.000 đồng;

+ Kênh cấp 1 N30 đoạn K2+563-K5+455 do Ban quản lý Dự án ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT bàn giao: 8.957.014.656 đồng;

+ Kênh ông Trờ, xã Quế Phú, huyện Quế Sơn do Ban quản lý dự án Quỹ đất huyện Quế Sơn bàn giao: 516.434.000 đồng;

+ Gia cố kênh chính Phú Ninh (từ K18+680-K18+740) huyện Thăng Bình do Ban quản lý đô thị huyện Thăng Bình bàn giao: 1.816.398.000 đồng;

+ Nâng cấp đập dâng cầu máng xã Duy Hòa do UBND xã Duy Hòa, huyện Duy Xuyên bàn giao: 1.735.545.000 đồng;

Thy

+ Kênh N7 Đông Quang do UBND phường Điện Thắng Bắc, thị xã Điện Bàn bàn giao (*tạm nhận bàn giao*): 5.539.545.000 đồng;

+ Kênh N2-9-5 Nam Phú Ninh, hạng mục: Sửa chữa nâng cấp đoạn qua xã Tam Hòa do UBND huyện Núi Thành bàn giao (*tạm nhận bàn giao*): 3.781.058.000 đồng.

+ Kênh N22 Bắc Phú Ninh do Ban quản lý Dự án ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT bàn giao (*tạm nhận bàn giao*): 15.225.184.000 đồng.

+ Xây dựng hồ chứa nước Lai Nghi, hạng mục Cống ngăn triều B=2x2,4m do Ban quản lý đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Quảng Nam (*tạm nhận bàn giao*): 1.752.449.426 đồng.

- Xây dựng cơ bản hoàn thành từ nguồn kinh phí ngân sách Tỉnh (Chống hạn và nhiễm mặn): 696.518.000 đồng

+ Nạo vét bùn, cát kênh dẫn từ ngã ba sông Quảng Huế về đến kênh dẫn bể hút trạm bơm và nạo vét bùn, cát kênh dẫn bể hút trạm bơm Ái Nghĩa và hạ thấp cao trình đáy kênh dẫn vào bể hút trạm bơm Ái Nghĩa và làm lại bằng bê tông cốt thép: 696.518.000 đồng.

- Tăng Quỹ đầu tư phát triển: 1.380.191.552 đồng

+ Nhận kinh phí bồi thường, hỗ trợ Trạm bơm điện Tứ Câu, phường Điện Ngọc để thực hiện dự án Đường và cầu ĐH7 qua sông Vĩnh Điện, thị xã Điện Bàn: 128.745.027 đồng.

+ Kinh phí bán thanh lý tài sản năm 2023: 1.051.446.525 đồng.

+ Trích lập Quỹ đầu tư phát triển của doanh nghiệp từ lợi nhuận sau thuế năm 2024: 200.000.000 đồng.

- Tăng nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản ngân sách Tỉnh cấp: 2.800.777.000 đồng

+ Đắp đập tạm ngăn mặn tại cầu Gò Nổi; gia công lắp đặt công lấy nước bằng thép dưới đập tạm Gò Nổi: 696.505.000 đồng;

+ Sửa chữa, khắc phục đập dâng Bàu Hoãn - Khắc phục lũ năm 2021: 60.804.000 đồng;

+ Sửa chữa, khắc phục đoạn K21+300-K21+500 KCB Phú Ninh - Khắc phục lũ năm 2021: 967.646.000 đồng;

+ Sửa chữa, khắc phục đập dâng Suối Mới - Khắc phục lũ năm 2021: 110.049.000 đồng;

+ Sửa chữa, khắc phục đập dâng Cồn Thờa - Khắc phục lũ năm 2021: 63.705.000 đồng;

+ Kiên cố kênh N8 hồ chứa nước Vĩnh Trinh: 329.739.000 đồng;

+ Trạm bơm điện Tứ Câu: 572.329.000 đồng;

b) Phát sinh giảm: **14.841.500.000 đồng**, gồm:

- Giá trị XDCB hoàn thành, ghi giảm nguồn vốn đầu tư XDCB ngân sách Tỉnh cấp: 11.032.466.000 đồng

+ Nạo vét bùn, cát kênh dẫn từ ngã ba sông Quảng Huế về đến kênh dẫn bể hút trạm bơm và nạo vét bùn, cát kênh dẫn bể hút trạm bơm Ái Nghĩa và hạ thấp

Thuyh

cao trình đáy kênh dẫn vào bể hút trạm bơm Ái Nghĩa và làm lại bằng bê tông cốt thép: 837.108.000 đồng;

+ Đắp đập tạm ngăn mặn tại cầu Gò Nổi; gia công lắp đặt cống lấy nước bằng thép dưới đập tạm Gò Nổi: 29.973.000 đồng;

+ Sửa chữa, khắc phục kênh chính Bắc Phú Ninh (đoạn K4+953-K5+053, đoạn K6+559-K6+614; đoạn K19+550-K19+650) - Khắc phục lũ năm 2021: 2.699.785.000 đồng;

+ Sửa chữa, khắc phục đập dâng Bàu Hoãn - Khắc phục lũ năm 2021: 629.878.000 đồng;

+ Sửa chữa, khắc phục đập dâng Suối Mới - Khắc phục lũ năm 2021: 1.076.526.000 đồng;

+ Sửa chữa, khắc phục cầu máng tại K0+293 KCN Phú Ninh - Khắc phục lũ năm 2021: 928.726.000 đồng;

+ Sửa chữa, khắc phục đập dâng Cồn Thò - Khắc phục lũ năm 2021: 623.699.000 đồng.

+ Sửa chữa, khắc phục kênh N5 trạm bơm điện Cẩm Văn - Khắc phục lũ năm 2022: 1.079.002.000 đồng;

+ Sửa chữa, khắc phục kênh N2-9-3 Nam Phú Ninh - Khắc phục lũ năm 2022: 1.103.703.000 đồng;

+ Sửa chữa, khắc phục kênh N22-3C Bắc Phú Ninh - Khắc phục lũ năm 2022: 982.355.000 đồng;

+ Sửa chữa, khắc phục kênh N21-1 Hồ chứa nước Khe Tân - Khắc phục lũ năm 2022: 1.041.711.000 đồng.

- Nộp trả ngân sách kinh phí chưa sử dụng: 3.017.978.000 đồng

+ Nạo vét bùn, cát kênh dẫn từ ngã ba sông Quảng Huế về đến kênh dẫn bể hút trạm bơm và nạo vét bùn, cát kênh dẫn bể hút trạm bơm Ái Nghĩa và hạ thấp cao trình đáy kênh dẫn vào bể hút trạm bơm Ái Nghĩa và làm lại bằng bê tông cốt thép: 68.802.000 đồng;

+ Đắp đập tạm ngăn mặn tại cầu Gò Nổi; gia công lắp đặt cống lấy nước bằng thép dưới đập tạm Gò Nổi: 666.532.000 đồng;

+ Sửa chữa, khắc phục kênh chính Bắc Phú Ninh (đoạn K4+953-K5+053, đoạn K6+559-K6+614; đoạn K19+550-K19+650) - Khắc phục lũ năm 2021: 27.000 đồng;

+ Sửa chữa, khắc phục đập dâng Bàu Hoãn - Khắc phục lũ năm 2021: 119.851.000 đồng;

+ Sửa chữa, khắc phục đoạn K21+300-K21+500 KCB Phú Ninh - Khắc phục lũ năm 2021: 966.929.000 đồng.

+ Sửa chữa, khắc phục đập dâng Suối Mới - Khắc phục lũ năm 2021: 133.523.000 đồng.

+ Sửa chữa, khắc phục cầu máng tại K0+293 KCN Phú Ninh - Khắc phục lũ năm 2021: 196.890.000 đồng;

+ Sửa chữa, khắc phục đập dâng Cồn Thò - Khắc phục lũ năm 2021: 140.006.000 đồng;

Thuyh

+ Sửa chữa, khắc phục kênh N5 trạm bơm điện Cẩm Văn - Khắc phục lũ năm 2022: 181.754.000 đồng;

+ Sửa chữa, khắc phục kênh N2-9-3 Nam Phú Ninh - Khắc phục lũ năm 2022: 159.774.000 đồng;

+ Sửa chữa, khắc phục kênh N22-3C Bắc Phú Ninh - Khắc phục lũ năm 2022: 218.598.000 đồng;

+ Sửa chữa, khắc phục kênh N21-1 Hồ chứa nước Khe Tân - Khắc phục lũ năm 2022: 165.292.000 đồng.

- Công trình được phê duyệt quyết toán vốn đầu tư hoàn thành, giảm vốn chủ sở hữu đã ghi tại thời điểm nhận bàn giao: 286.493.000 đồng.

+ Nâng cấp kênh N19 (UBND phường Cẩm Châu, thành phố Hội An bàn giao): 14.689.000 đồng;

+ Gia cố kênh chính Phú Ninh (Từ K18+680-K18+740) huyện Thăng Bình (Ban quản lý đô thị huyện Thăng Bình bàn giao): 271.804.000 đồng.

- Điều chỉnh giảm vốn chủ sở hữu đã ghi tăng tại thời điểm bàn giao hiện trạng tài sản để quản lý, sử dụng: 504.563.000 đồng

+ Công bản qua đường và cửa xả kênh Thái Xuân (nhận bàn giao từ Công ty TNHH MTV Phát triển hạ tầng KCN Chu Lai): 504.563.000 đồng.

1.2. Tổng tài sản: 1.829.856.702.318 đồng

1.3. Lợi nhuận sau thuế : 4.747.559.825 đồng.

1.4. Hiệu quả sử dụng vốn: Là doanh nghiệp được giao thực hiện nhiệm vụ công ích là cung cấp nước tưới, phục vụ sản xuất nông nghiệp, hoạt động của Công ty không vì mục tiêu lợi nhuận; vì vậy, đối với Công ty không đánh giá hiệu quả sử dụng vốn thông qua các chỉ tiêu Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE) và Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA).

2. Việc quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp

2.1. Tình hình đầu tư dự án: (Biểu số 02.A)

- Các dự án thuộc nhóm A và nhóm B: Không có.

- Các dự án khác: Trong năm 2024 phát sinh việc đầu tư xây dựng từ nguồn kinh phí: ngân sách Tỉnh (XDCB), nhận bàn giao từ các địa phương, giá trị TSCĐ hình thành qua đầu tư là: **45.501.787.082 đồng.**

- Đầu tư hình thành TSCĐ: **3.859.772.000 đồng**

+ Kiên cố hóa hệ thống kênh mương (Đầu tư theo Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND ngày 13/01/2021 của HĐND tỉnh):

* Kiên cố kênh N8 hồ chứa nước Vĩnh Trinh: 1.036.261.000 đồng;

* Trạm bơm điện Tứ Câu: 1.047.840.000 đồng.

+ Tài sản tăng từ Quỹ Đầu tư phát triển Công ty: Sửa chữa cụm nhà làm việc tại Văn phòng Công ty: 1.079.153.000 đồng.

+ Xây dựng cơ bản hoàn thành từ nguồn kinh phí ngân sách Tỉnh (Chống hạn và nhiễm mặn): 696.518.000 đồng.

- Nhận bàn giao từ các chủ đầu tư: 41.642.015.082 đồng (Chi tiết tại mục 1, khoản 1.1, điểm a).

Thuyh

- Đánh giá hiệu quả mang lại của các dự án đã đưa vào sử dụng: Ngoại trừ các hạng mục công trình nhận bàn giao từ các Chủ đầu tư, các hạng mục công trình do Công ty làm chủ đầu tư được thực hiện đảm bảo đúng các quy định hiện hành về quản lý đầu tư xây dựng như: chủ trương đầu tư, kế hoạch bố trí vốn, tiến độ giải ngân, bảo vệ môi trường, tiến độ thực hiện,...

- Nhìn chung, tất cả các tài sản được nhận bàn giao, đầu tư trong năm 2024 đều được sử dụng đúng mục đích, phát huy được hiệu quả, góp phần nâng cao năng lực hoạt động của công trình và ổn định sản xuất.

2.2. Tình hình đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp: Không.

2.3. Tình hình huy động vốn và sử dụng vốn huy động: Không.

2.4. Tình hình quản lý tài sản, nợ phải thu, nợ phải trả:

a) Quản lý tài sản:

- Hội đồng thành viên Công ty quyết định các dự án đầu tư, xây dựng, mua sắm tài sản cố định thuộc nguồn vốn khấu hao cơ bản tái đầu tư (ĐTPT) và nguồn Quỹ đầu tư phát triển của Công ty. Giám đốc Công ty quyết định các dự án thuộc nguồn chi phí bảo trì định kỳ tài sản hằng năm của Công ty,... theo quy định của Luật quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp. Quy trình thực hiện các dự án đầu tư, sửa chữa tài sản năm 2024 đúng theo quy định của pháp luật về quản lý đầu tư xây dựng;

- Việc trích khấu hao tài sản cố định được thực hiện đúng nguyên tắc, chế độ quản lý, sử dụng và thời gian trích khấu hao theo quy định của Bộ Tài chính;

- Về thanh lý tài sản cố định:

+ Trong năm 2024, Công ty không phát sinh hoạt động thanh lý tài sản cố định;

+ Xe ô tô biển số 92K-4008 được trang bị phục vụ sản xuất, phòng chống lụt bão tại Chi nhánh Thủy lợi Thăng Bình đã hư hỏng nặng;

+ Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ chủ yếu gồm: Nguyên, nhiên, vật liệu, công cụ, dụng cụ mua nhập kho để xuất dùng cho sản xuất khi cần thiết; giá trị hàng tồn kho (*dự phòng cho sự cố công trình và phòng chống lụt bão...*) qua kiểm kê có giá gốc ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được đã được đánh giá và lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho đúng quy định;

+ Thực hiện kiểm kê tài sản, nguyên vật liệu,... đúng quy định.

b) Quản lý nợ phải thu, nợ phải trả:

Thực hiện quản lý các khoản nợ phải thu, phải trả đúng Quy chế quản lý nợ ban hành theo Quy định tại Nghị định số 206/2013/NĐ-CP ngày 09/12/2013 của Chính phủ. Mở sổ theo dõi các khoản nợ theo từng đối tượng nợ; phân loại các khoản nợ và thường xuyên đôn đốc thu hồi nợ; trích lập dự phòng đối với các khoản nợ phải thu khó đòi trong phạm vi tình hình tài chính của doanh nghiệp; thanh toán các khoản nợ phải trả theo đúng thời hạn đã cam kết và đủ khả năng thanh toán nợ.

- Tình hình nợ phải thu đến kỳ báo cáo (31/12/2024):

Tổng số nợ phải thu đến kỳ báo cáo	:	3.622.804.469 đồng
Trong đó: Nợ phải thu khó đòi	:	1.714.445.188 đồng

Thuyh

Trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi : 1.085.300.591 đồng
(Số nợ phải thu khó đòi là số nợ phát sinh trước thời điểm chuyển đổi doanh nghiệp được chi tiết lưu tại hồ sơ chuyển đổi doanh nghiệp).

+ Xử lý công nợ khó đòi trong kỳ: Số nợ phải thu khó đòi là số nợ phát sinh trước thời điểm chuyển đổi doanh nghiệp (chi tiết lưu tại hồ sơ chuyển đổi doanh nghiệp), trong kỳ báo cáo năm 2024 không có phát sinh nợ phải thu khó đòi.

* Nợ phải thu giảm so với cùng kỳ năm 2023 là 1.358.964.434 đồng; các khoản nợ phải thu chủ yếu là nợ ngắn hạn (tiền nước thô, tạm ứng cho các nhà thầu thực hiện các công trình XD CB...).

- Tình hình nợ phải trả đến kỳ báo cáo (31/12/2024):

Tổng số nợ phải trả đến kỳ báo cáo : 20.582.349.368 đồng

* Nợ phải trả giảm so với cùng kỳ năm 2024 là 3.318.853.532 đồng; các khoản nợ phải trả còn trong thời hạn thanh toán, không có nợ quá hạn; gồm:

- Tiền lương năm 2024;
- Phải trả các nhà thầu khoản bảo hành thi công công trình năm 2024 chưa đến hạn thanh toán;
- Các khoản thuế phải nộp trong tháng 12/2024 chưa đến hạn nộp (đã nộp trong tháng 01/2025).
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2024 của Người lao động và Người quản lý doanh nghiệp (được trích lập từ lợi nhuận sau thuế năm 2024).

- Khả năng thanh toán nợ đến hạn: ($\approx 1,325$ lần)

Trong đó: + Tài sản ngắn hạn : 27.279.808.624 đồng

+ Nợ ngắn hạn : 20.582.349.368 đồng

Công ty đủ khả năng thanh toán nợ.

- Hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu: ($\approx 0,011$)

Trong đó: + Vốn chủ sở hữu : 1.809.082.598.480 đồng

+ Nợ phải trả : 20.582.349.368 đồng

3. Tình hình sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính (Biểu số 02.C)

3.1. Về sản lượng sản xuất (diện tích tưới nước, cấp nước):

- Diện tích tưới kế hoạch năm 2024 : 50.404,554 ha

- Diện tích tưới thực hiện năm 2024 : 51.394,434 ha

- Thực hiện so với kế hoạch (tăng) : 989,880 ha

- Nguyên nhân chênh lệch tăng, giảm diện tích:

+ Năm 2024 Công ty đã hoàn thành công tác điều tra, rà soát diện tích đất sản xuất nông nghiệp được hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi khu tưới tỉnh Quảng Nam theo tinh thần chỉ đạo của UBND tỉnh Quảng Nam tại Thông báo số 464/TB-UBND ngày 14/10/2021 của UBND tỉnh Quảng Nam;

+ Một số địa phương đầu tư kênh nội đồng, hoàn thành việc kiên cố hóa kênh mương, mở rộng khu tưới, công tác dồn điền đổi thửa tại các khu tưới đã thực hiện hoàn thành thuận tiện cho nhu cầu sản xuất của nhân dân;

+ Nhà nước thu hồi đất để xây dựng cơ sở hạ tầng, không sản xuất được nên không sử dụng nước.

Thy

3.2. Về các chỉ tiêu tài chính

- Doanh thu	: 81.730.436.687 đồng
+ Sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi	: 48.488.835.740 đồng
+ Sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác	: 24.670.160.334 đồng
+ Tài chính	: 798.886.545 đồng
+ Khác	: 3.410.941 đồng
+ Ngân sách hỗ trợ (Bảo trì tài sản)	: 7.769.143.127 đồng
- Chi phí	: 75.795.986.906 đồng
- Lợi nhuận trước thuế	: 5.934.449.781 đồng
- Nộp ngân sách	: 3.884.783.495 đồng

3.3. Về hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp thông qua các chỉ tiêu

Nhiệm vụ của Công ty là cung cấp nước tưới, phục vụ sản xuất nông nghiệp, là doanh nghiệp hoạt động công ích, không vì mục tiêu lợi nhuận; vì vậy không thể đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp thông qua các chỉ tiêu Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE) và Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA).

3.4. Tình hình thực hiện sản phẩm dịch vụ công ích (Biểu số 02.D)

- Khối lượng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi thực hiện thông qua chỉ tiêu nghiệm thu tưới năm 2024 (số liệu tại Điểm 3.1) đạt tiêu chuẩn.

- Chất lượng sản phẩm, dịch vụ công ích: Điều hòa, phân phối nước đảm bảo số lượng, chất lượng, kịp thời phục vụ sản xuất nông nghiệp và theo yêu cầu của các ngành kinh tế khác.

- Tình hình thực hiện chỉ tiêu kế hoạch sản xuất, cụ thể:

- Khối lượng sản phẩm dịch vụ công ích đạt 102,03% so với cùng kỳ năm 2023 và đạt 101,96% so với kế hoạch năm 2024;

- Doanh thu thực hiện sản phẩm, dịch vụ công ích đạt 102,76% so với cùng kỳ năm 2023 và đạt 104,16% so với kế hoạch năm 2024.

3.5. Phân tích lưu chuyển tiền tệ trong kỳ báo cáo

Lượng tiền của Công ty chủ yếu từ nguồn ngân sách Nhà nước cấp, số dư tiền và tương đương tiền đầu kỳ và cuối kỳ đảm bảo đáp ứng đủ nhu cầu cho hoạt động sản xuất của Công ty.

4. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước, tình hình phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ (Biểu số 02.D)

4.1. Thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước: Công ty thực hiện việc kê khai, nộp các khoản nghĩa vụ với ngân sách nhà nước kịp thời, đúng quy định.

4.2. Tình hình phân phối lợi nhuận:

Là doanh nghiệp hoạt động công ích, doanh thu từ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi do Nhà nước định giá, giá thu chưa được tính đúng, tính đủ các chi phí cần thiết cho sản xuất, chưa tính lợi nhuận định mức trong cơ cấu giá,... Ngoài doanh thu từ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi, còn có doanh thu cung cấp sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác và ngân sách hỗ trợ tài chính phần kinh phí bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi. Vì vậy, với lợi nhuận sau thuế năm 2024 là 4.747.559.825 đồng, Công ty thực hiện trích lập

Thy

quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ Đầu tư phát triển theo quy định tại Điều 31 Nghị định 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp.

4.3. Trích lập và sử dụng các quỹ:

Trong khi chờ cấp có thẩm quyền phê duyệt Báo cáo tài chính năm 2024, Công ty căn cứ vào lợi nhuận sau thuế và Quyết định số 3000/QĐ-CT ngày 31/12/2024:

- Lợi nhuận sau thuế năm 2024	: 4.747.559.825 đồng
- Trích lập từ lợi nhuận năm 2024	: 4.747.559.825 đồng
Trong đó: + Quỹ Đầu tư phát triển	: 200.000.000 đồng
+ Quỹ khen thưởng (70%)	: 3.130.482.000 đồng
+ Quỹ phúc lợi (30%)	: 1.341.635.825 đồng
+ Quỹ thưởng Người quản lý, Kiểm soát viên Công ty	: 75.442.000 đồng

Sử dụng các quỹ đúng quy định Quy chế sử dụng Quỹ khen thưởng, phúc lợi, bảo đảm công khai, công bằng, minh bạch. Nội dung chi các quỹ gồm:

- + Quỹ khen thưởng: Chi thưởng theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng; thưởng cho cá nhân, tập thể người lao động đạt thành tích công tác.
- + Quỹ phúc lợi: Chi thăm ốm đau, hiếu hỉ, trợ cấp khó khăn cho người lao động, mua sắm đồ dùng, hoạt động phúc lợi của tập thể người lao động, đóng góp từ thiện xã hội,...

Sử dụng Quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2024 để bù trừ phần Quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2021 đã chi số tiền: 900.000.000 đồng.

5. Tình hình chấp hành chế độ, chính sách và pháp luật

5.1. Về chấp hành chính sách thuế: Thực hiện kê khai, nộp các khoản thuế đúng quy định.

5.2. Về chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội:

- Tiền lương:
 - + Quỹ tiền lương kế hoạch năm 2024 của người lao động và người quản lý Công ty được xác định theo Thông tư số 17/2019/TT-BLĐTBXH ngày 06/11/2019 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn xác định chi phí tiền lương, chi phí nhân công trong giá, đơn giá sản phẩm, dịch vụ công ích sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước do doanh nghiệp thực hiện.

+ Thực hiện việc tạm ứng tiền lương cho người lao động và người quản lý Công ty đúng quy định, mức tạm ứng tiền lương hằng tháng bằng 80% tiền lương bình quân của năm 2023.

- Bảo hiểm xã hội:

- + Thực hiện trích lập và nộp các khoản bảo hiểm đúng quy định, kịp thời;
- + Các chế độ ốm đau, thai sản được lập và thanh toán đúng quy định.

5.3. Về chế độ tài chính, kế toán, thống kê:

- Thực hiện hạch toán kế toán và quản lý tài chính theo quy định của Luật kế toán; tổ chức công tác thống kê kế toán theo quy định;

- Toàn bộ hoạt động của Công ty được tổ chức tổng hợp, thống kê theo từng lĩnh vực, đúng quy định.

Thuyh

5.4. Về chế độ báo cáo tài chính, báo cáo giám sát tài chính, báo cáo thống kê,....

- Chấp hành việc lập các báo cáo tài chính, báo cáo giám sát tài chính, báo cáo thống kê và các báo cáo khác đúng quy định về nội dung và thời gian báo cáo.
- Báo cáo tài chính năm 2024 được kiểm toán theo quy định của pháp luật hiện hành.

6. Giải trình của doanh nghiệp đối với các ý kiến đánh giá của doanh nghiệp kiểm toán độc lập, ý kiến của Kiểm soát viên

Báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty đã được Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA Việt Nam kiểm toán tại Báo cáo số 61/BC-KSV ngày 11/3/2025 và kiểm soát viên Công ty thẩm định tại Báo cáo số 333/BC-KSV ngày 17/3/2025; Kết quả kiểm toán, thẩm định kết quả kinh doanh và Báo cáo tài chính năm 2024 của doanh nghiệp kiểm toán độc lập và của Kiểm soát viên Công ty không nêu ý kiến đánh giá cần giải trình.

7. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của Người quản lý doanh nghiệp

7.1. Công tác quản lý, điều hành:

- Hội đồng thành viên Công ty đã thực hiện các quyền và nhiệm vụ theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, cụ thể:

+ Quyết định kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty; trình UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch sản xuất - tài chính của Công ty, báo cáo tài chính hằng năm của Công ty;

+ Quyết định các dự án đầu tư, xây dựng, mua sắm tài sản cố định thuộc thẩm quyền và trình UBND tỉnh phê duyệt các dự án thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh;

- Hội đồng thành viên chỉ đạo, điều hành hoạt động Công ty theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, vì lợi ích hợp pháp của Công ty và người lao động Công ty; tổ chức quản lý vốn và tài sản đúng mục đích, có hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn nhà nước; hoàn thành nghĩa vụ với ngân sách nhà nước.

- Thực hiện nghiêm túc, kịp thời các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của UBND tỉnh, các cơ quan quản lý nhà nước cấp trên.

- Thực hiện chế độ tài chính, báo cáo tài chính, báo cáo giám sát, báo cáo kết quả sản xuất và tình hình hoạt động của Công ty và các báo cáo khác trung thực, đúng quy định; trích lập, quản lý và sử dụng các quỹ đúng quy định.

7.2. Chấp hành chính sách, chế độ và pháp luật nhà nước:

- Các chính sách, chế độ đối với người lao động trong đơn vị được thực hiện đầy đủ, kịp thời, công khai, minh bạch, có tham khảo ý kiến của Công đoàn Công ty trước khi thực hiện, cụ thể:

+ Tiền lương: Tạm ứng hằng tháng đúng quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

+ Bảo hiểm: Trích, nộp, chi trả đầy đủ và kịp thời theo đúng quy định của Bảo hiểm xã hội Việt Nam;

+ Thực hiện đầy đủ các quy định về bảo vệ môi trường, an toàn lao động, phòng chống cháy nổ; trang bị đầy đủ các trang thiết bị bảo hộ lao động, phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động;

Thuyh

+ Thực hiện việc phê duyệt kế hoạch sử dụng lao động hằng năm; ký kết hợp đồng lao động, chấm dứt hợp đồng lao động đúng quy định về pháp luật lao động hiện hành.

- Tổ chức thực hiện chế độ kế toán, kiểm toán, kê khai nộp thuế và các khoản thu nộp ngân sách khác đúng quy định hiện hành.

- Tổ chức thực hiện công bố thông tin và công khai thông tin tài chính hằng năm của doanh nghiệp theo đúng quy định tại Nghị định số 47/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 và Nghị định số 87/2015/NĐ-CP ngày 06/10/2015 của Chính phủ.

8. Xếp loại năm 2024

Căn cứ các quy định tại Nghị định số 87/2015/NĐ-CP ngày 06/10/2015 của Chính phủ và Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính, trên cơ sở kết quả hoạt động năm 2024, Công ty TNHH một thành viên Khai thác thủy lợi Quảng Nam tự xếp loại doanh nghiệp và Người quản lý doanh nghiệp năm 2024 như sau:

- Đối với doanh nghiệp: Xếp loại A

- Đối với người quản lý doanh nghiệp:

+ Tình hình chấp hành tiêu chí đánh giá kết quả hoạt động: Thực hiện tốt;

+ Xếp loại hoạt động: Hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Trên đây là báo cáo đánh giá tình hình tài chính, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp năm 2024, Công ty TNHH một thành viên Khai thác thủy lợi Quảng Nam kính báo cáo UBND tỉnh và các Sở chuyên ngành./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐTV Công ty;
- KSV Công ty;
- GD, các PGD Công ty;
- Các phòng chức năng Công ty;
- Lưu: VT, TC-KT.

**TM. HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Đình Hải

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ HUY ĐỘNG VỐN ĐỂ ĐẦU TƯ VÀO CÁC DỰ ÁN HÌNH THÀNH TSCĐ VÀ XDCB
(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

Đơn vị tính: triệu đồng

Số T.T	Tên dự án	Quyết định phê duyet	Tổng mức vốn đầu tư					Thời gian đầu tư theo kế hoạch	Nguồn vốn huy động			Giá trị khối lượng thực hiện đến ngày 31/12/2024			Giải ngân đến ngày 31/12/2024			Giá trị tài sản đã hình thành và đưa vào sử dụng
			Tổng	Vốn chủ sở hữu	%	Vốn huy động	%		Tổng số	Thời hạn vay	Lãi suất (%)	Kỳ trước chuyển sang	Thực hiện trong kỳ	Thực hiện đến hết ngày 31/12/2024	Kỳ trước chuyển sang	Thực hiện trong kỳ	Thực hiện đến hết ngày 31/12/2024	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
A	Các dự án nhóm A																	
B	Các dự án nhóm B																	
C	Các dự án khác		3.206,00	3.206,00								1.647,38	1.273,83	2.921,21	1.704,62	1.002,31	2.706,94	2.780,62
I	Nguồn ngân sách tỉnh		3.206,00	3.206,00								1.647,38	1.273,83	2.921,21	1.704,62	1.002,31	2.706,94	2.780,62
1	Nạo vét bùn, cát kênh dẫn từ ngã ba Quảng Huê về đến kênh dẫn bể hút trạm bơm và nạo vét bùn, cát kênh dẫn, bể hút trạm bơm Ái Nghĩa và hạ thấp cao trình đáy kênh dẫn vào bể hút trạm bơm Ái Nghĩa và làm lại bằng bê tông cốt thép	313/QĐ-SNN&PTNT 13/6/2023	906,00	906,00	100			2023				832,34	4,77	837,11	736,87	100,24	837,11	696,52
2	Kiên cố hóa kênh N8 hồ chứa nước Vĩnh Trinh	310/QĐ-SNN&PTNT 12/6/2023	1.100,00	1.100,00	100			2023-2024				718,69	317,57	1.036,26	600,00	329,74	929,74	1.036,26
3	Trạm bơm điện Tứ Cầu	453/QĐ-SNN&PTNT 13/9/2023	1.200,00	1.200,00	100			2023-2024				96,35	951,49	1.047,84	367,76	572,33	940,09	1.047,84

* Ghi chú: Số liệu từ cột (2) đến cột (12) theo Quyết định phê duyệt dự án đầu tư của cấp có thẩm quyền.

NGƯỜI LẬP BIỂU

Nguyễn Thị Nhật Uyên

GIÁM ĐỐC



Đỗ Văn Tùng

TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH NĂM 2024

(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

Nội dung	Cùng kỳ năm 2022	Cùng kỳ năm 2023	Năm 2024		Biến động so với (tỷ lệ %)		
			Kế hoạch	Thực hiện	Cùng kỳ năm 2022	Cùng kỳ năm 2023	Kế hoạch năm 2024
	[2]	[4]	[3]	[4]	[5]=[4]/[1]	[6]=[4]/[2]	[7]=[4]/[3]
A. Chỉ tiêu sản xuất kinh doanh (ha)							
1. Sản lượng sản xuất sản phẩm chủ yếu	50.049,96	50.369,91	50.404,55	51.394,40	102,69	102,03	101,96
2. Sản lượng tiêu thụ sản phẩm chủ yếu	50.049,96	50.369,91	50.404,55	51.394,40	102,69	102,03	101,96
3. Tồn kho cuối kỳ							
B. Chỉ tiêu tài chính (đồng)							
1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	75.828.939.948	80.583.183.518	78.234.320.000	80.928.139.201			
- Doanh thu sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi	68.228.939.948	71.192.683.086	70.234.320.000	73.158.996.074	107,23	102,76	104,16
- Doanh thu hỗ trợ tài chính	7.600.000.000	9.390.500.432	8.000.000.000	7.769.143.127			
2. Giá vốn hàng bán	51.302.365.180	51.807.152.297	52.122.657.000	51.063.693.256			
3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	24.526.574.768	28.776.031.221	26.111.663.000	29.864.445.945			
4. Doanh thu hoạt động tài chính	145.110.278	941.927.638	300.000.000	798.886.545	550,54	84,81	266,30
5. Chi phí tài chính							
6. Chi phí bán hàng							
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24.338.482.708	24.384.033.414	26.411.663.000	24.732.293.650			
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	333.202.338	5.333.925.445	0	5.931.038.840			
9. Thu nhập khác	169.882.639	77.508.129	0	3.410.941	2,01	4,40	



1- *Thykh*

Nội dung	Cùng kỳ	Cùng kỳ	Năm 2024		Biến động so với (tỷ lệ %)		
	năm	năm	Kế	Thực	Cùng kỳ	Cùng kỳ	Kế hoạch
	2022	2023	hoạch	hiện	năm 2022	năm 2023	năm 2024
	[2]	[4]	[3]	[4]	[5]=[4]/[1]	[6]=[4]/[2]	[7]=[4]/[3]
10. Chi phí khác		29.408.480					
11. Lợi nhuận khác	169.882.639	48.099.649	0	3.410.941			
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	503.084.977	5.382.025.094	0	5.934.449.781			
13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	85.352.246	1.081.802.635	0	1.186.889.956			
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại							
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	417.732.731	4.300.222.459	0	4.747.559.825			

* **Ghi chú:** - Cột (1), (2): Theo Báo cáo tài chính các năm trước liền kề năm Báo cáo.

- Thông tin về chỉ tiêu tài chính lấy từ báo cáo tài chính công ty mẹ.

- Doanh thu hỗ trợ tài chính tại Mục B.1 Cột 3 theo Kế hoạch trợ giá là 8.000.000.000 đồng tại Quyết định số 2646/QĐ-UBND ngày 11/12/2023 (Giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách nhà nước và kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2024); ngày 23/01/2024 Sở Tài chính đã cấp bằng lệnh chi tiền 8.000.000.000 đồng;

- Chỉ tiêu doanh thu (Mục B.1-Cột 4) bao gồm số được Ngân sách hỗ trợ thực hiện bảo trì tài sản là 7.769.143.127 đồng

NGƯỜI LẬP BIỂU



Nguyễn Thị Nhật Uyên

GIÁM ĐỐC




Đỗ Văn Tùng

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN SẢN PHẨM, DỊCH VỤ CÔNG ÍCH NĂM 2024

(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2024	Thực hiện 2024	Tỷ lệ so với kế hoạch	Tỷ lệ so với cùng kỳ năm trước
1. Khối lượng, sản lượng sản phẩm dịch vụ công ích thực hiện trong năm	50.404,55 ha	51.394,43 ha	101,96 %	102,03 %
2. Khối lượng, sản lượng sản phẩm, dịch vụ công ích bị lỗi, không đạt yêu cầu	0,00 ha	0,00 ha		
3. Số lượng ý kiến phản hồi về chất lượng sản phẩm, dịch vụ của doanh nghiệp không đạt yêu cầu	0 ý kiến	0 ý kiến		
4. Chi phí phát sinh liên quan đến các sản phẩm, dịch vụ công ích thực hiện trong năm	78.534,32 tr.đ	75.795,99 tr.đ	96,51 %	98,05 %
5. Doanh thu thực hiện các sản phẩm, dịch vụ công ích trong năm	78.534,32 tr.đ	81.730,44 tr.đ	104,07 %	100,16 %

* **Ghi chú:** Chỉ tiêu doanh thu (Mục 5) bao gồm số hỗ trợ tài chính từ Ngân sách để thực hiện bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi là 8.000.000.000 đồng

NGƯỜI LẬP BIỂU


Nguyễn Thị Nhật Uyên

GIÁM ĐỐC



Đỗ Văn Tùng

A. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Số còn phải nộp năm trước chuyển sang	Số phát sinh phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số còn phải nộp chuyển sang năm sau
1. Thuế	1.315,61	3.874,78	3.849,86	1.340,53
- Thuế giá trị gia tăng	195,56	1.264,71	1.363,77	96,50
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.030,68	1.186,89	1.076,76	1.140,81
- Thuế xuất, nhập khẩu				
- Thuế đất				
- Thuế tài nguyên	123,39	1.390,61	1.389,49	124,51
- Các khoản thuế khác	(34,02)	32,57	19,84	(21,30)
2. Các khoản phải nộp khác		10,00	10,00	0,00
- Phí, lệ phí		10,00	10,00	
- Các khoản phải nộp khác		0,00	0,00	
3. Nộp Ngân sách nhà nước (Quỹ Hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp) phần lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp theo quy định				



B. TÌNH HÌNH TRÍCH LẬP VÀ SỬ DỤNG CÁC QUỸ NĂM 2024

(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Dư đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Dư cuối năm
1. Quỹ đầu tư phát triển	591,09	1.380,19	0,00	1.971,28
2. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	3.230,22	4.485,03	3.985,37	3.729,89
3. Quỹ thưởng Người quản lý doanh nghiệp	154,99	75,43	130,58	99,84
4. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	0,00			0,00
5. Quỹ đặc thù khác	0,00			0,00

1 *Thuy*

*** Thuyết minh tăng giảm quỹ trong năm:**

1. Tăng trong năm:	5.939.588.377 đồng
- Quỹ đầu tư phát triển:	1.380.191.552 đồng
+ Kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho Trạm bơm Tứ Câu, phường Điện Ngọc để thực hiện Dự án đường và cầu ĐH7 qua sông Vĩnh Điện, thị xã Điện Bàn	128.745.027 đồng
+ Kinh phí thanh lý tài sản năm 2023	1.051.446.525 đồng
+ Phân phối từ lợi nhuận năm 2024	200.000.000 đồng
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi:	4.483.954.825 đồng
+ Trung tâm phát triển quỹ đất thị xã Điện Bàn cấp thưởng đối với dự án đường và cầu ĐH7 qua sông Vĩnh Điện, thị xã Điện Bàn theo Quyết định số 129/QĐ-UBND ngày 09/01/2024 của UBND thị xã Điện Bàn	6.437.000 đồng
+ Sở Lao động, Thương binh và Xã hội cấp tiền thưởng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh về công tác an toàn vệ sinh lao động năm 2023 theo Quyết định số 974/QĐ-UBND ngày 19/4/2024 của UBND tỉnh	5.400.000 đồng
+ Phân phối từ lợi nhuận năm 2024	4.472.117.825 đồng
- Quỹ thưởng Người quản lý doanh nghiệp	75.442.000 đồng
+ Trích lập quỹ năm 2024	75.442.000 đồng
2. Giảm trong năm	3.985.371.179 đồng
- Quỹ đầu tư phát triển:	0 đồng
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi:	3.985.371.179 đồng

* **Ghi chú:** Thông tin lấy từ báo cáo tài chính của doanh nghiệp.

NGƯỜI LẬP BIỂU

Nguyễn Thị Nhật Uyên

GIÁM ĐỐC



Đỗ Văn Tùng

ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ XẾP LOẠI DOANH NGHIỆP NĂM 2024

(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

- Tên doanh nghiệp: Công ty TNHH một thành viên khai thác thủy lợi Quảng Nam
- Loại hình doanh nghiệp: Công ty TNHH một thành viên do nhà nước làm chủ sở hữu

Chỉ tiêu 1 (triệu đồng)			Chỉ tiêu 2							Chỉ tiêu 3					Chỉ tiêu 4	Chỉ tiêu 5	Xếp loại doanh nghiệp
Doanh thu và thu nhập khác			Lợi nhuận (triệu đồng)		Vốn CSH bình quân (triệu đồng)		Tỷ suất LN/vốn (%)		Xếp loại	Khả năng thanh toán nợ đến hạn			Nợ quá hạn (tr.đồng)	Xếp loại	Xếp loại	Xếp loại	Xếp loại
Kế hoạch	Thực hiện	Xếp loại	Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện		TSNH (tr.đồng)	Nợ NH (tr.đồng)	TSNH/Nợ NH (lần)					
78.534,32	81.730,44	A	0,00	4.747,56	1.768.727,00	1.787.205,86	0,00	0,27		27.279,81	20.582,35	1,33	0,00	A	A	A	A

NGƯỜI LẬP BIỂU



Nguyễn Thị Nhật Uyên

GIÁM ĐỐC



Đỗ Văn Tùng

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
KHAI THÁC THỦY LỢI QUẢNG NAM

Biểu số 05.B

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA NGƯỜI QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP NĂM 2024
(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

Số T.T	Tên doanh nghiệp	Tỷ suất Lợi nhuận/Vốn CSH			Kết quả xếp loại Doanh nghiệp	Tình hình chấp hành tiêu chí đánh giá kết quả hoạt động của Người quản lý doanh nghiệp	Xếp loại hoạt động Người quản lý doanh nghiệp
		Kế hoạch	Thực hiện	% Thực hiện/ Kế hoạch			
1	2	3	4	5	6	7	8
1	Công ty TNHH MTV Khai thác thủy lợi Quảng Nam				A	Thực hiện tốt	Hoàn thành tốt nhiệm vụ

NGƯỜI LẬP BIỂU

Nguyễn Thị Nhật Uyên

GIÁM ĐỐC



Đỗ Văn Tùng